



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Lắp máy - Thí nghiệm Cơ Điện

Ngày 31/12/2025	19,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

DT thuần Q4/25
15.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.57 122%
YoY: ▲ 11.7 303%

LN thuần Q4/25
-0.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.53 -591%
YoY: ▼0.25 -133%

LN sau thuế Q4/25
0.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.13
YoY: ▲ 0.06 81.7%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
7.5%
YoY: +/- ▼ 6.4%

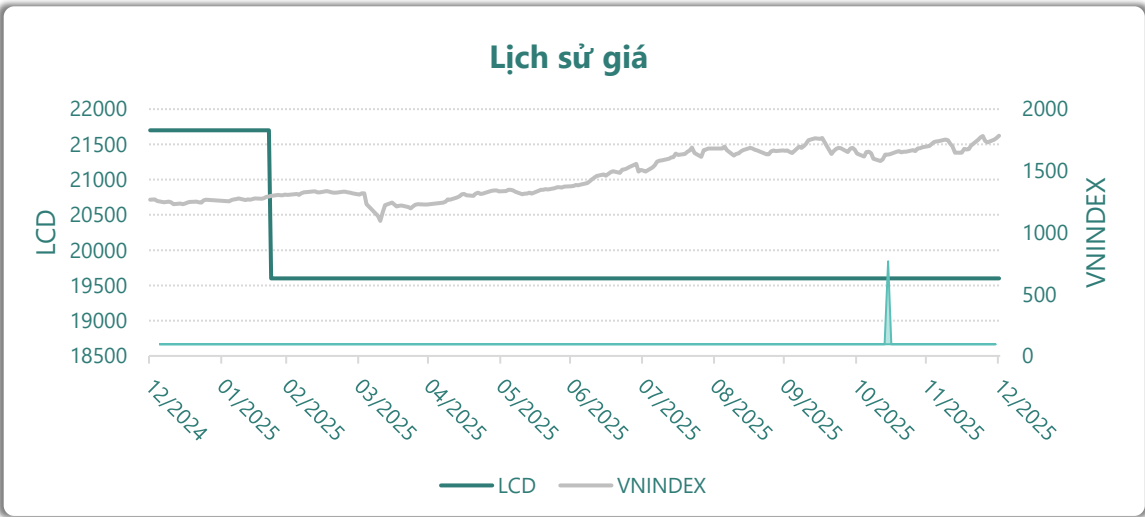
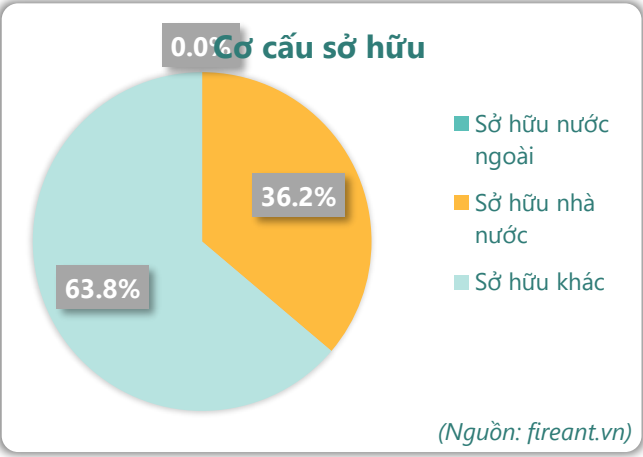
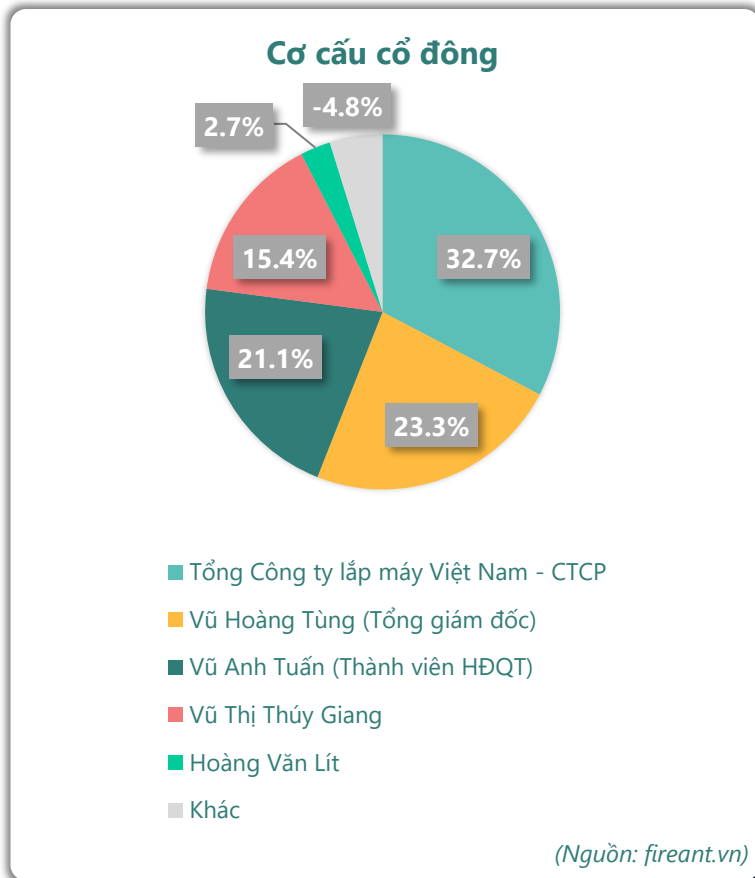
ROE 2025
0.5%
YoY: +/- ▲ 0.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	19,600 - 21,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29
Số lượng CPLH (CP)	1,499,945
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	103
P/E	190.6

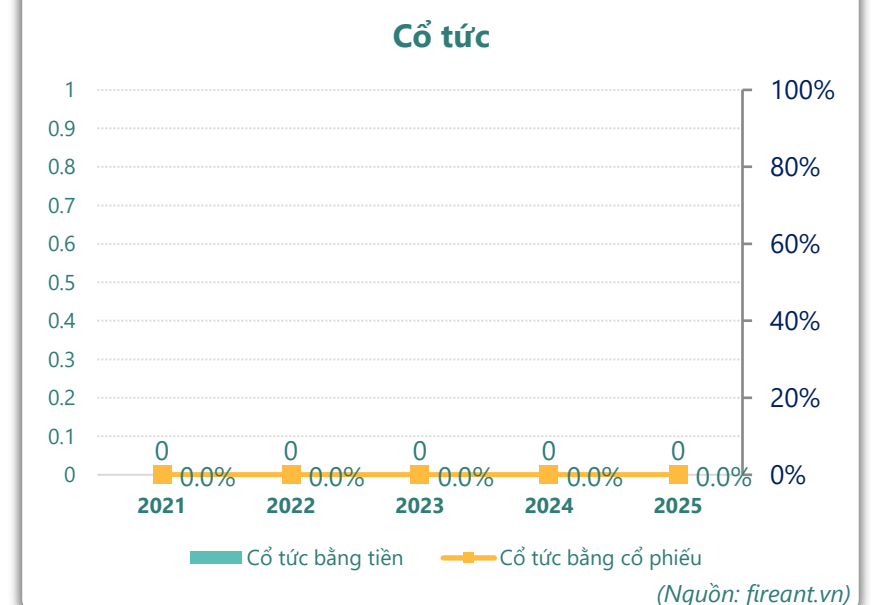
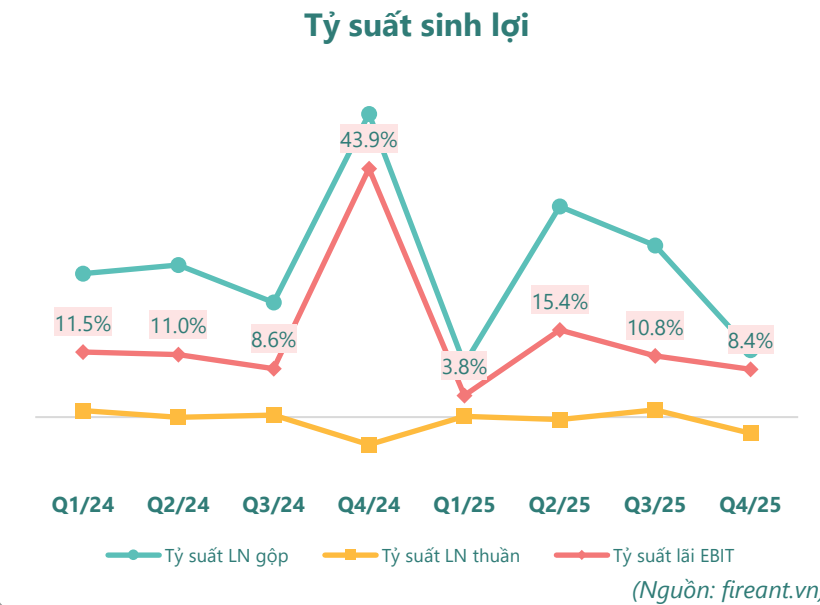
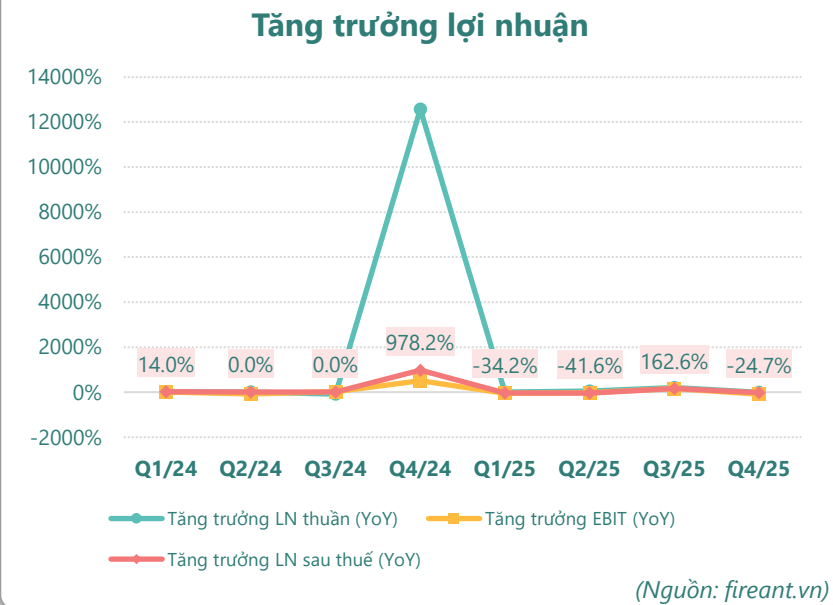
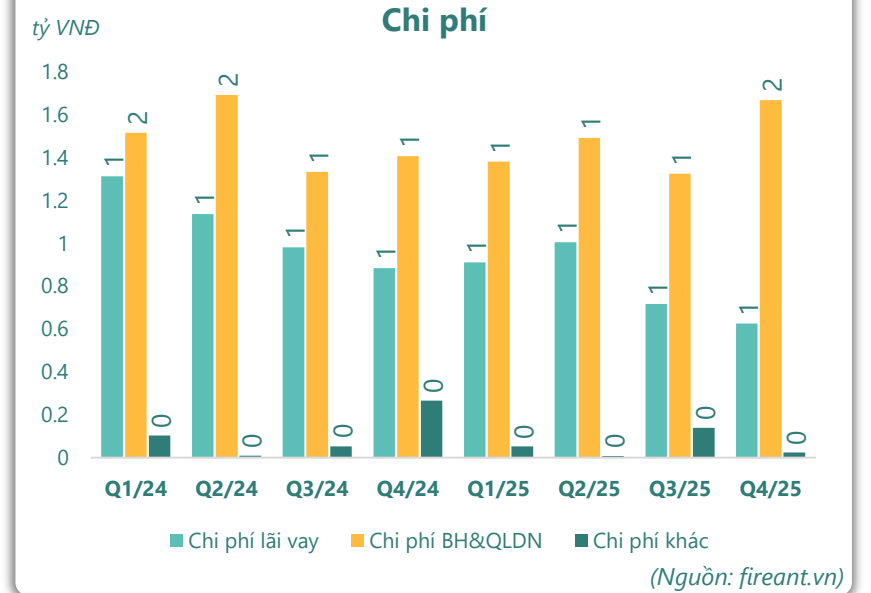
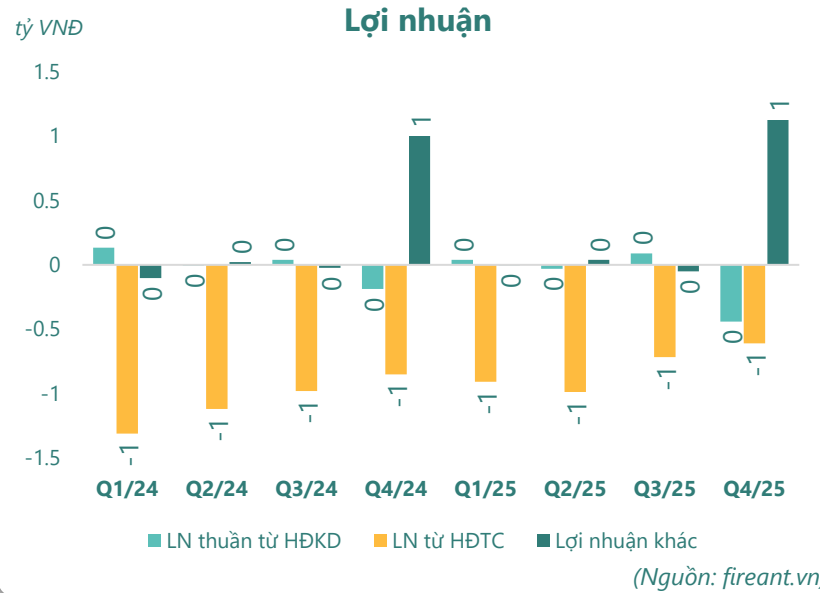
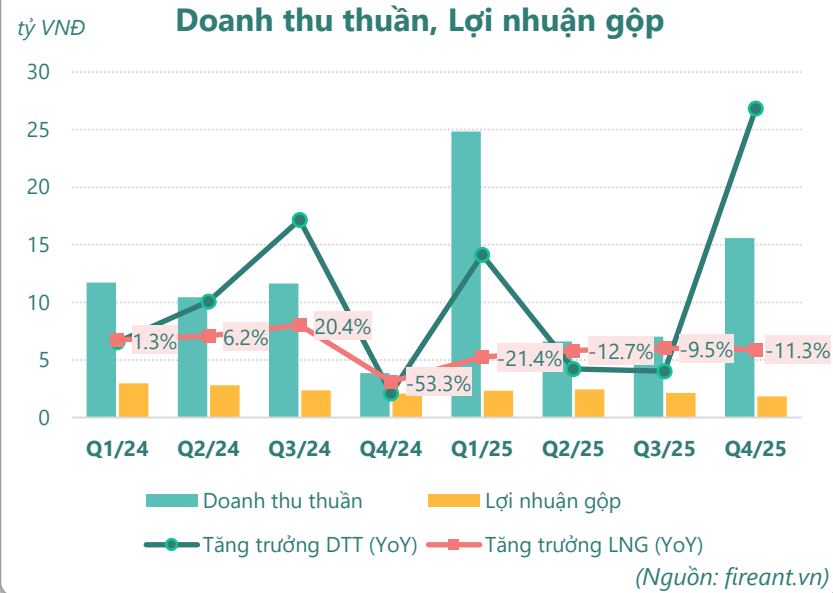
DT thuần 2025
54.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.4 43.5%

LN thuần 2025
-0.34
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.32 -1455%

LN sau thuế 2025
0.15
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.06 78.2%



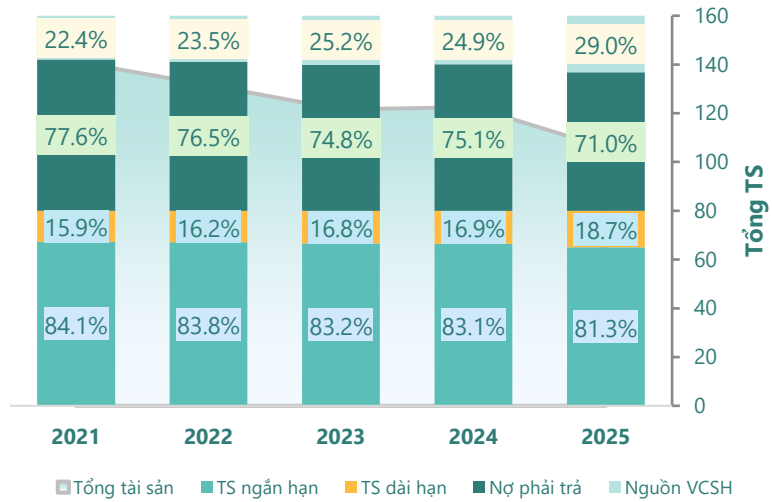
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

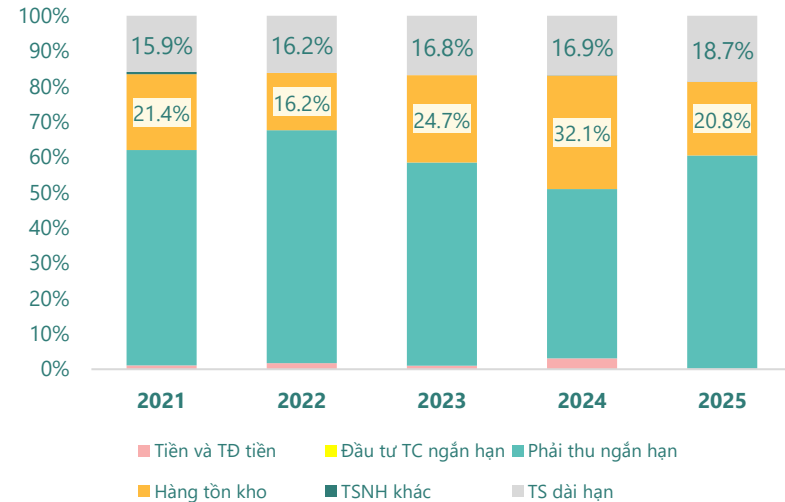
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

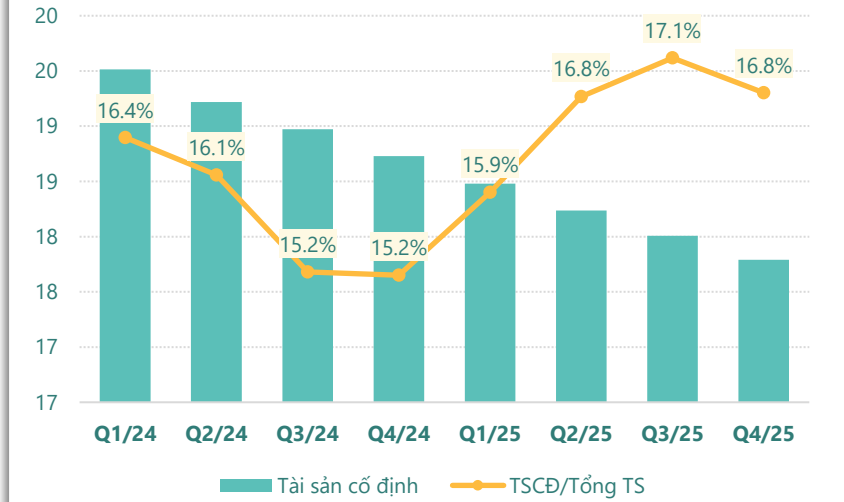
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

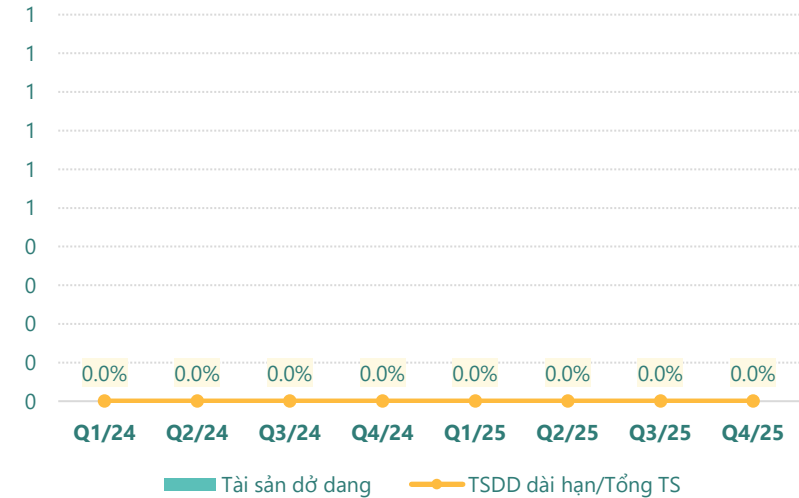
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

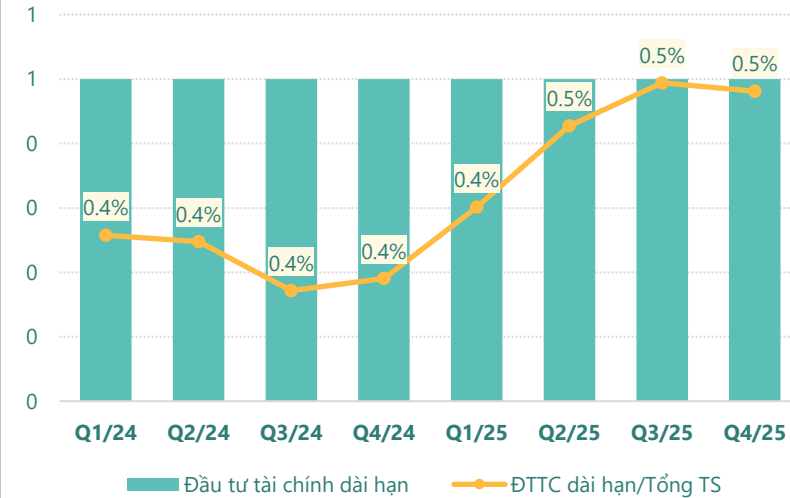
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

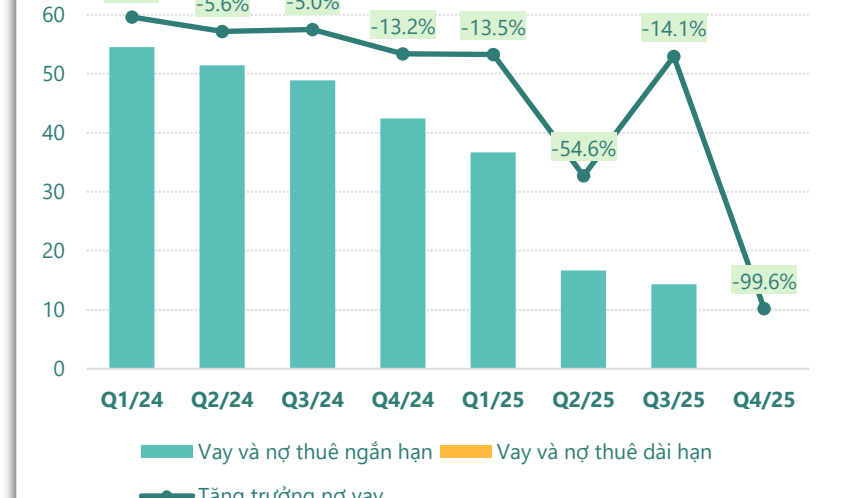
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

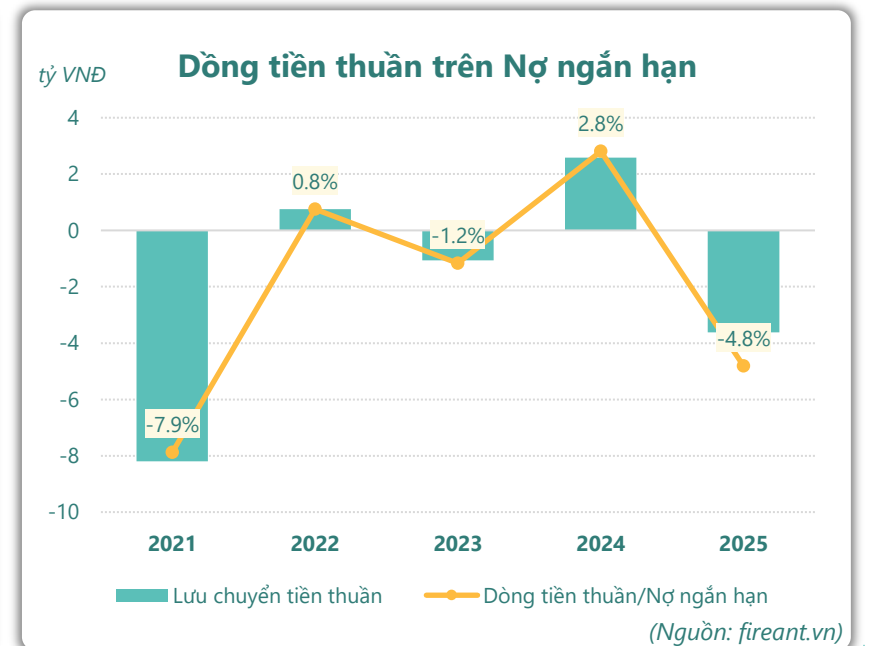
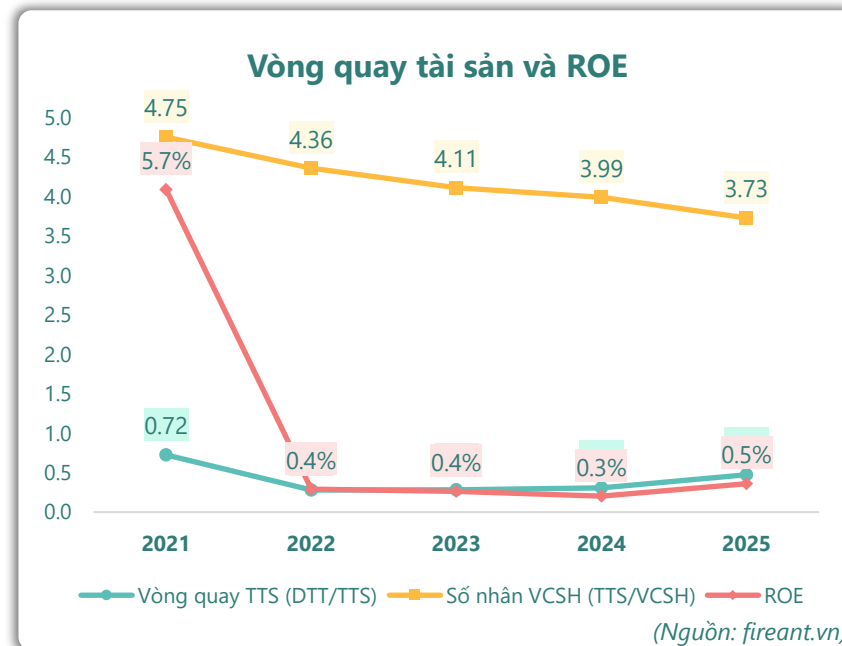
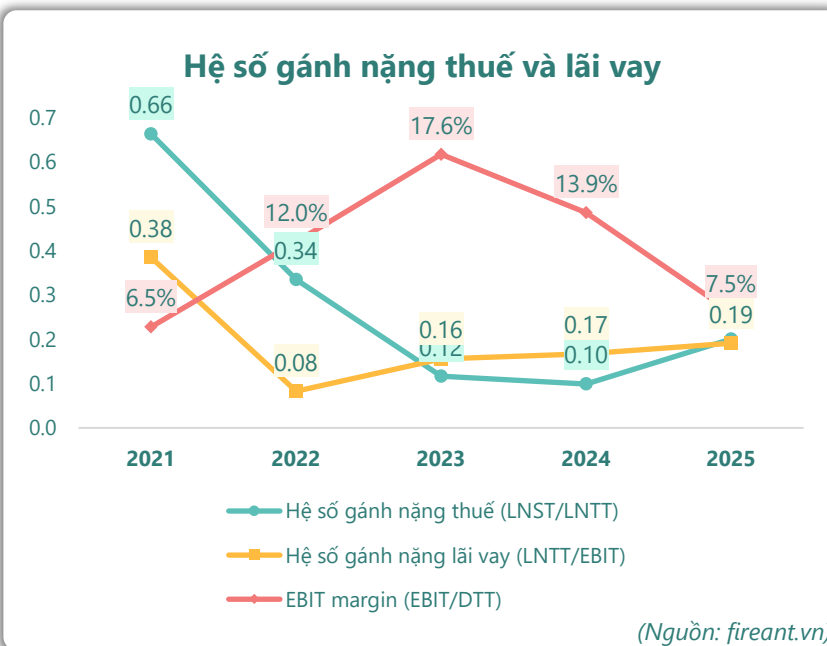
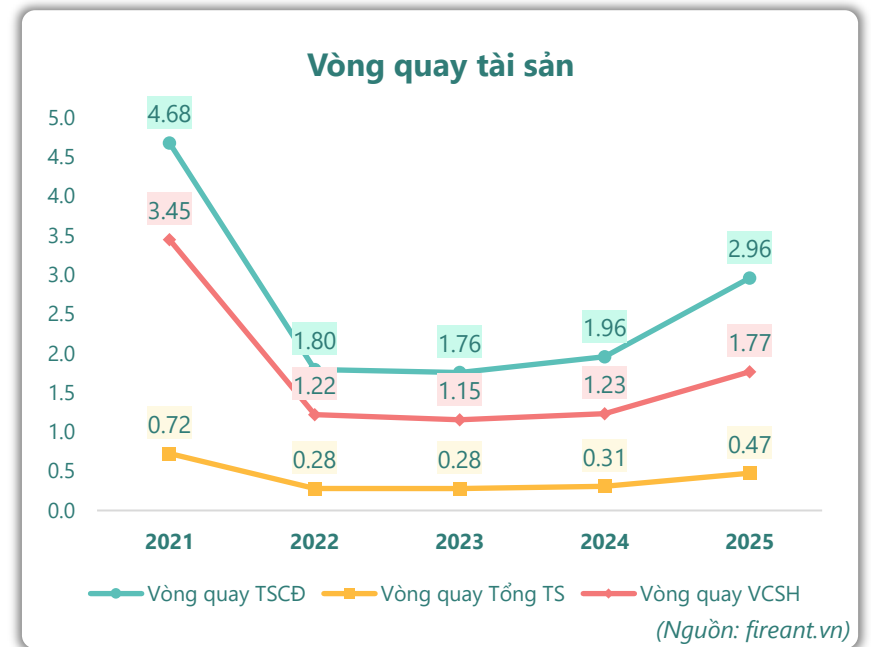
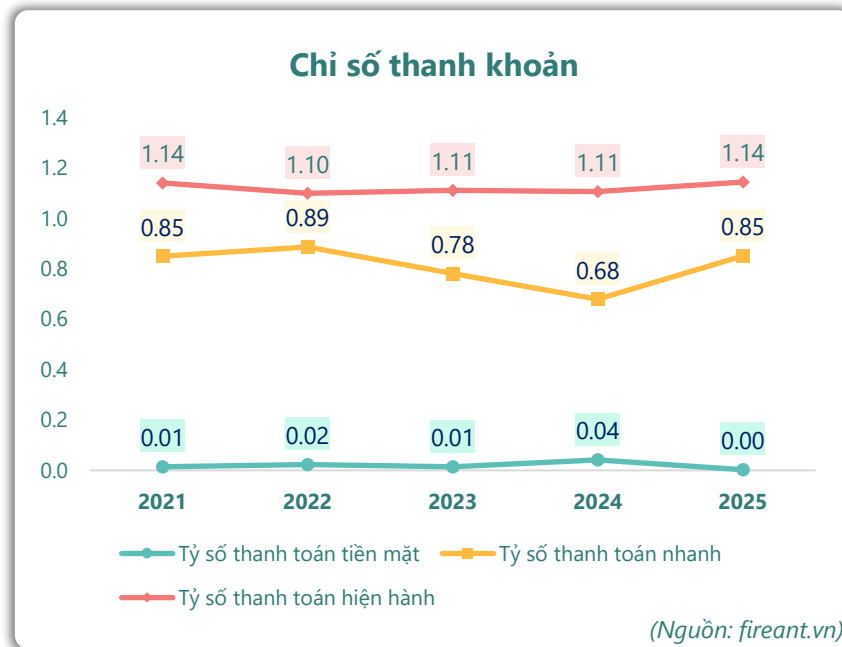
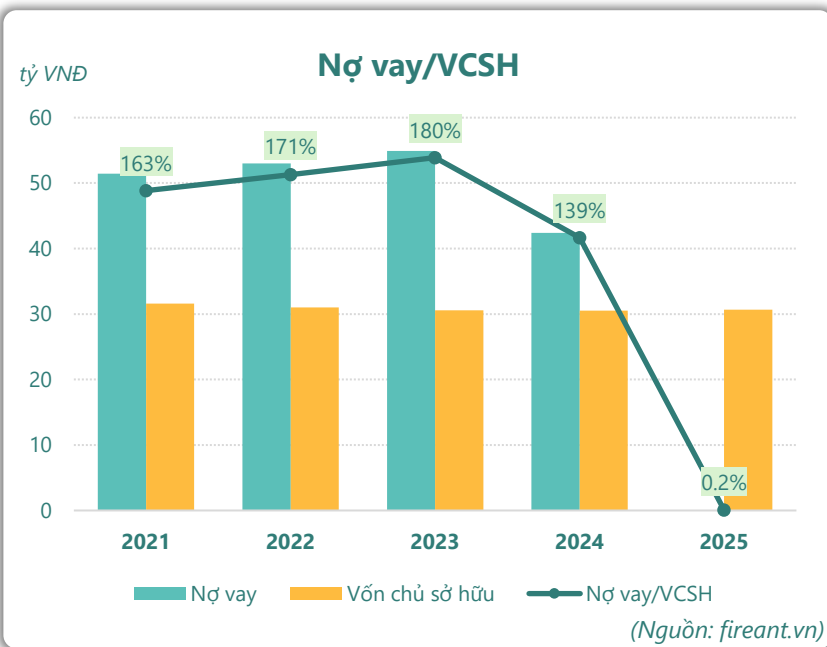
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	15.6	3.87	303%	54.1	37.7	43.5%
Giá vốn hàng bán	13.7	1.80	664%	45.3	27.4	65.2%
Lợi nhuận gộp	1.84	2.07	-11.2%	8.75	10.3	-14.6%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.03	-49.6%	0.03	0.03	-2.8%
Chi phí TC	0.63	0.88	-28.9%	3.26	4.36	-25.2%
Chi phí lãi vay	0.63	0.88	-28.9%	3.26	4.36	-25.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.67	1.41	18.4%	5.87	5.95	-1.4%
LN thuần từ HĐKD	-0.44	-0.19	-133%	-0.34	-0.02	-1455%
Lợi nhuận khác	1.13	1.00	12.8%	1.11	0.90	24.3%
LN trước thuế	0.69	0.81	-15.3%	0.77	0.87	-12.0%
Lợi nhuận sau thuế	0.13	0.07	81.7%	0.15	0.09	78.2%
LNST của CĐ cty mẹ	0.13	0.07	81.7%	0.15	0.09	78.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.34	9.64	1.74	22.4	-4.60	1.69
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0.03	0.00	0.05	0.01	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.55	-6.47	-5.72	-20.0	2.34	-1.53
Tiền đầu kỳ	0.40	1.19	4.38	0.40	2.27	0.03
Lưu chuyển tiền thuần	0.79	3.19	-3.98	2.44	-2.25	0.17
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	1.19	4.38	0.40	2.27	0.03	0.20

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	106	122	-13.5%
Tài sản ngắn hạn	86.0	102	-15.4%
Tiền và tương đương tiền	0.20	3.82	-94.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	63.8	58.6	8.9%
Hàng tồn kho	22.0	39.3	-44.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.00	215%
Tài sản dài hạn	19.8	20.7	-4.2%
Phải thu dài hạn	1.49	1.39	7.4%
Tài sản cố định	17.8	18.7	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.05	0.09	-45.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	75.2	91.9	-18.2%
Nợ ngắn hạn	75.2	91.9	-18.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.05	42.4	-99.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.87	6.16	-4.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	30.7	30.5	0.5%
Vốn chủ sở hữu	30.7	30.5	0.5%
Vốn điều lệ	15.0	15.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

